

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HSST
Ngày 06 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Mai và bà Nguyễn Thùy Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2024/TLST - HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/TLST - HS ngày 23 tháng 2 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân B; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 07/6/1985 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Đình M và bà Trần Thị L; cả hai đều trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vợ: Trần Thị H; con: có hai con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/12/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Phạm Chí N; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 06/6/1994 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT/chỗ ở: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Ngô Thị C, trú tại phường Q, thị xã B; vợ: Nguyễn Thị H; con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân B, sinh năm 1985 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - Bà Lê Hoàng A

–Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, (có mặt).

- Bị hại: Chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn Phú K, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị Như Q: Ông Hoàng Trọng S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn Phú K, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, (có mặt.).

- Người làm chứng: Ông Hoàng Trọng S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/11/2023, Phạm Chí N, trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B đi xe mô tô BKS 73K8 - 5670 chở Trần Xuân B, trú tại thôn P, xã Q, huyện Q đi từ thị xã B vào xã L, huyện B để hỏi mua dừa về bán dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn. Khi đi đến nhà ông Hoàng Trọng S, sinh năm 1960, trú tại thôn P, xã L, huyện B thấy có cây dừa nên N chở B đi vào sân nhà ông S thì gặp chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1999 (là con gái ông S). Năm được chị Q dẫn ra vườn xem dừa. Trong lúc N và chị Q đi xem dừa, Trần Xuân B phát hiện hộc trước bên trái xe mô tô HONDA VISION của chị Q dựng ở sân nhà ông S có 01 cái ví da màu nâu, lợi dụng lúc không có ai, B lấy trộm cái ví trên bỏ vào túi quần rồi đi ra phía cổng nhà ông S đứng. Sau khi trao đổi về việc mua, bán dừa xong, N điều khiển xe mô tô chở B rời khỏi nhà ông S. Trên đường về, B ngồi sau lấy ví ra kiểm tra, N nghe tiếng động lạ nên hỏi B: “Cái gì đó?”, B trả lời: “Lúc này anh có lấy trộm cái ví nơi xe tay ga của con bé chỗ hỏi mua dừa”, N hỏi: “Có tiền không?”, B trả lời: “Cứ đi đi đạ, tau chia cho một nửa mà tiêu cũng được”. Sau khi kiểm tra trong ví có 5.760.000 tiền Việt Nam đồng và 86.000 Yen tiền Nhật Bản. B đưa cho N 2.500.000 đồng, còn 3.260.000 đồng và 86.000 Yen tiền Nhật Bản cất giữ. B đã tiêu xài cá nhân hết 500.000 đồng, N đã tiêu xài cá nhân hết 800.000 đồng. Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền còn lại tại B và N.

Theo công văn số 831/QUB - THNS ngày 30/11/2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Bình: Tỷ giá của đồng Việt Nam so với Yên Nhật áp dụng cho ngày 12/11/2023 là 1JPY = 159,2 VNĐ. Như vậy, 86.000 Yên Nhật tương đương với 13.691.200 đồng Việt Nam (mười ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn hai trăm đồng Việt Nam).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL - HĐĐGTS ngày 13/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 01 ví da màu nâu trị giá 561.000 đồng (năm trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Trần Xuân B chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Như Q là 20.012.200 đồng (hai mươi triệu, không trăm mười hai nghìn, hai trăm đồng).

Quá trình điều tra Trần Xuân B và Phạm Chí N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; Gia đình Trần Xuân B thuộc diện hộ nghèo, tại phiên toà đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án phạt tù cho hưởng án treo.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT công an huyện Bồ Trạch tạm giữ 01 xe mô tô BKS 73V2 - 9718, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu đen - bạc; 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 022754, BKS: 73V2 - 9718 đã xử lý trả lại cho Trần Xuân B.

Tạm giữ 4.460.000 đồng Việt Nam; 86.000 Yên Nhật Bản; 01 ví da màu nâu, dạng ví gấp hình vuông đã xử lý trả lại cho chị Hoàng Thị Như Q.

Tạm giữ 01 xe mô tô BKS 73K8 - 5670 đã xử lý trả lại cho Phạm Chí N.

Trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của bị hại Hoàng Thị Như Q, ông Hoàng Trọng S đã nhận lại tài sản và 1.300.000 đồng do Trần Xuân B và Phạm Chí N bồi thường, hiện không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 11/CT - VKSBT ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Bồ Trạch để xét xử Trần Xuân B có lý lịch nêu trên, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Chí N có lý lịch nêu trên, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự như đã nêu trên, và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Xuân B.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Phạm Chí N.

Áp dụng Điều 23 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với bị cáo Phạm Chí N; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với Trần Xuân B.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Xuân B từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Bị cáo Phạm Chí N từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bồ Trạch nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Chí N và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, đúng pháp luật nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Số vật chứng cơ quan CSĐT đã xử lý xong, đúng pháp luật, nên miễn xét.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo B.

Ý kiến phát biểu của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Trần Xuân B: Nhất trí với tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bô Trạch đã truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại cho bị hại, gia đình Trần Xuân B thuộc diện hộ nghèo, đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, hiện nay bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo bột phát phạm tội.... Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để xử phạt bị cáo mức án 36 tháng cải tạo không giam giữ, đồng thời miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì thuộc diện hộ nghèo.

Tại phiên tòa, các bị cáo nói lời sau cùng là đã thấy được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện cải tạo tốt, sớm hoà nhập cộng đồng làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bô Trạch, Điều tra viên Công an huyện Bô Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bô Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của các bị cáo, bị hại có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của người bị hại, người làm chứng tại phiên tòa, không gian, thời

gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt bị phát hiện và thu giữ hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật và động cơ háms lợi, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác. Ngày 12/11/2023, tại nhà ông Hoàng Trọng S, sinh năm 1960, trú tại thôn P, xã L, huyện B Trần Xuân B đã lén lút lấy trộm 5.760.000 tiền Việt Nam đồng; 86.000 Yên Nhật Bản (quy đổi thành 13.691.200 tiền Việt Nam đồng) và 01 ví da màu nâu, trị giá 561.000 đồng của chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1999. Tổng trị giá tài sản mà Trần Xuân B chiếm đoạt là 20.012.200 đồng (hai mươi triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

Phạm Chí N biết rõ số tiền 2.500.000đ mà Trần Xuân B đưa cho là do Trần Xuân B trộm cắp mà có nhưng Phạm Chí N vẫn nhận và tiêu xài cá nhân.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định nội dung vụ án như trình bày ở trên là hoàn toàn đúng, do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Xuân B có lý lịch nêu trên phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Chí N có lý lịch nêu trên, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[3] Xét tính chất hành vi, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra trong vụ án, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp đối với B và gián tiếp đối với N, bị cáo Bình đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 20.012.200 đồng (hai mươi triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm đồng); đối với Phạm Chí N trước đó không hứa hẹn gì với B nhưng khi biết rõ số tiền 2.500.000đ mà Trần Xuân B đưa cho là do Trần Xuân B trộm cắp mà có nhưng Phạm Chí N vẫn nhận và tiêu xài cá nhân nên cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên toà về tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nên đối với các bị cáo cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà ngày hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho bị hại, tại phiên toà đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ, gia đình Trần Xuân B thuộc diện hộ nghèo.

Tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và được áp dụng cho hai bị cáo.

[6] Về hình phạt chính: Đối với các bị cáo cần xem xét phân hoá trách nhiệm hình sự trong vụ án. Theo đó bị cáo B có vị trí, vai trò, trách nhiệm hình sự nguy hiểm hơn bị cáo N nên hình phạt phải cao hơn bị cáo N và chịu mức hình phạt tù là phù hợp, riêng bị cáo N có vai trò, vị trí, tính nguy hiểm của tội phạm thấp hơn bị cáo B, số tiền được hưởng ít, nên hình phạt thấp hơn B là đúng và cho bị cáo cải tạo tại địa phương là đảm bảo chính sách háp luật hình sự quy định, đồng thời cũng cần xem xét để giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với cáo bị cáo là đã có tác dụng giáo dục, răn đe riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[7] Biện pháp tư pháp: Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Chí N.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay các bị cáo chưa có công việc làm thường xuyên, lao động phổ thông, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

Số vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã xử lý đúng pháp luật, nên miễn xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, đúng pháp luật nên miễn xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Chí N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo Trần Xuân Bình được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Xuân B.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Phạm Chí N.

Căn cứ Điều 23 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Chí N.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với Trần Xuân B.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Chí N phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt:

+ Bị cáo Trần Xuân B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Bị cáo Phạm Chí N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bố Trạch nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Chí N.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Miễn xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Chí N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Xuân B.

[7] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2024). Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- Sở TP tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- PV 06 (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CAQB);
- VKSND huyện BT;
- Công an huyện BT;
- Cơ quan THAHS Bố Trạch;
- Chi cục THABT;
- UB xã Q, huyện Q;
- UBND phường Q, TX B;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phú Quảng

